

**PHỤ LỤC**  
**PHÂN BỐ VỐN, DANH MỤC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024**  
(Đính kèm Quyết định số 3046/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của UBND huyện)

ĐVT: triệu đồng

| STT | Tên công trình, dự án           | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư    | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Thời gian khởi công, hoàn thành | Thông tin nội dung cơ bản của công trình  |                         |                 |       | Dự kiến năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện | Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư                             | Ghi chú                                   |
|-----|---------------------------------|-------------------|---------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-----------------|-------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|     |                                 |                   |               |                                 |                                 | Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành (nếu có) | Tổng mức đầu tư dự kiến |                 |       |                                          | Vốn đầu tư khác (tiền sử dụng đất năm trước chuyển sang) |                                           |
|     |                                 |                   |               |                                 |                                 |                                           | Tổng số                 | Ngân sách huyện | NDDG  |                                          |                                                          |                                           |
| 1   | 2                               | 3                 | 4             | 5                               | 6                               | 7                                         | 8=9+10                  | 9               | 10    | 11                                       | 12                                                       | 13                                        |
|     | TỔNG CỘNG                       |                   |               |                                 |                                 |                                           | 113.164                 | 94.317          | 2.257 |                                          | 1.630                                                    |                                           |
| I   | Ngành giáo dục                  |                   |               |                                 |                                 |                                           | 52.407                  | 35.817          |       |                                          | 933                                                      |                                           |
| 1   | Trường TH Lạc Tấn               | xã Lạc Tấn        | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 8.363                   | 6.403           |       | 2024                                     | 293                                                      | Vốn tỉnh hỗ trợ 1.960 triệu đồng (04 PCN) |
| 2   | Trường TH Nhựt Tảo              | xã Tân Bình       | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 5.437                   | 4.457           |       | 2024                                     | 210                                                      | Vốn tỉnh hỗ trợ 980 triệu đồng            |
| 3   | Trường THCS Nguyễn Thành Nam    | xã Tân Bình       | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 12.083                  | 5.503           |       | 2024                                     | 30                                                       | Vốn tỉnh hỗ trợ 6.580 triệu đồng          |
| 4   | Trường TH Nhựt Ninh             | xã Nhựt Ninh      | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 8.880                   | 1.810           |       | 2024                                     | 320                                                      | Vốn tỉnh hỗ trợ 7.070 triệu đồng          |
| 5   | Trường TH Quê Mỹ Thạnh          | xã Quê Mỹ Thạnh   | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 10.048                  | 10.048          |       | 2024                                     | 30                                                       |                                           |
| 6   | Trường TH & THCS Nguyễn Văn Đậu | xã Bình Lăng      | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 4.855                   | 4.855           |       | 2024                                     | 30                                                       |                                           |

| STT | Tên công trình, dự án                                                 | Địa điểm xây dựng  | Chủ đầu tư    | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Thời gian khởi công, hoàn thành | Thông tin nội dung cơ bản của công trình  |                         |                 |      | Dự kiến năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện | Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư                             | Ghi chú                                                 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|--------------------|---------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-----------------|------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
|     |                                                                       |                    |               |                                 |                                 | Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành (nếu có) | Tổng mức đầu tư dự kiến |                 |      |                                          | Vốn đầu tư khác (tiền sử dụng đất năm trước chuyển sang) |                                                         |
|     |                                                                       |                    |               |                                 |                                 |                                           | Tổng số                 | Ngân sách huyện | NĐĐG |                                          |                                                          |                                                         |
| 1   | 2                                                                     | 3                  | 4             | 5                               | 6                               | 7                                         | 8=9+10                  | 9               | 10   | 11                                       | 12                                                       | 13                                                      |
| 7   | Trường TH Bình Trinh Đông                                             | xã Bình Trinh Đông | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 2.741                   | 2.741           |      | 2024                                     | 20                                                       |                                                         |
| II  | Lĩnh vực y tế                                                         |                    |               |                                 |                                 |                                           | 250                     | 250             |      |                                          | 10                                                       |                                                         |
| 1   | San lấp mặt bằng xây dựng Trạm y tế thị trấn Tân Trụ                  | thị trấn Tân Trụ   | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 250                     | 250             |      | 2024                                     | 10                                                       |                                                         |
| III | Ngành giao thông                                                      |                    |               |                                 |                                 |                                           | 34.497                  | 34.497          |      |                                          | 480                                                      |                                                         |
| 1   | Đường Bần Cao                                                         | xã Tân Phước Tây   | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 34.497                  | 34.497          |      | 2024                                     | 480                                                      | Vốn tỉnh hỗ trợ công trình giao thông 27.000 triệu đồng |
| IV  | Lĩnh vực phát thanh, truyền hình                                      |                    |               |                                 |                                 |                                           | 3.600                   | 3.600           |      |                                          | 20                                                       |                                                         |
| 1   | Xây dựng, cải tạo các trạm truyền thanh trên địa bàn xã huyện Tân Trụ | các xã             | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024-2025                       |                                           | 3.600                   | 3.600           |      | 2024                                     | 20                                                       |                                                         |
| V   | Lĩnh vực An ninh và trật tự, an toàn xã hội                           |                    |               |                                 |                                 |                                           | 4.707                   | 4.707           |      |                                          | 20                                                       |                                                         |
| 1   | Sửa chữa Trụ sở UBND xã cũ làm Trụ sở Công an xã Tân Bình             | xã Tân Bình        | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 4.707                   | 4.707           |      | 2024                                     | 20                                                       |                                                         |
| VI  | Lĩnh vực xã hội                                                       |                    |               |                                 |                                 |                                           | 650                     | 650             |      |                                          | 20                                                       |                                                         |
| 1   | Cải tạo và sửa chữa Khu di tích lịch sử Vàm Nhứt Tảo                  | xã Tân Bình        | Ban QLDA ĐTXD | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 650                     | 650             |      | 2024                                     | 20                                                       |                                                         |
| VII | Lĩnh vực Quốc phòng                                                   |                    |               |                                 |                                 |                                           | 3.982                   | 3.982           |      |                                          | 20                                                       |                                                         |

| STT  | Tên công trình, dự án                                                                           | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư           | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Thời gian khởi công, hoàn thành | Thông tin nội dung cơ bản của công trình  |                         |                 |       | Dự kiến năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện | Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư                             | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-----------------|-------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|      |                                                                                                 |                   |                      |                                 |                                 | Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành (nếu có) | Tổng mức đầu tư dự kiến |                 |       |                                          | Vốn đầu tư khác (tiền sử dụng đất năm trước chuyển sang) |         |
|      |                                                                                                 |                   |                      |                                 |                                 |                                           | Tổng số                 | Ngân sách huyện | NĐĐG  |                                          |                                                          |         |
| 1    | 2                                                                                               | 3                 | 4                    | 5                               | 6                               | 7                                         | 8=9+10                  | 9               | 10    | 11                                       | 12                                                       | 13      |
| 1    | Trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Đức Tân                                                           | xã Đức Tân        | Ban QLDA ĐTXD        | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 3.982                   | 3.982           |       | 2024                                     | 20                                                       |         |
| VIII | Công trình vốn xố số kiến thiết thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc xây dựng nông thôn mới     |                   |                      |                                 |                                 |                                           | 13.071                  | 10.814          | 2.257 |                                          | 127                                                      |         |
| 1    | Xã Quê Mỹ Thạnh                                                                                 |                   |                      |                                 |                                 |                                           | 1.344                   | 1.261           | 83    |                                          | 12                                                       |         |
|      | Bê tông đường vào Cầu Ông Đò                                                                    | xã Quê Mỹ Thạnh   | UBND xã Quê Mỹ Thạnh | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 680                     | 635             | 45    | 2024                                     | 6                                                        |         |
|      | Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng xã, hạng mục: tráng sân, sơn | xã Quê Mỹ Thạnh   | UBND xã Quê Mỹ Thạnh | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 664                     | 626             | 38    | 2024                                     | 6                                                        |         |
| 2    | Xã Nhựt Ninh                                                                                    |                   |                      |                                 |                                 |                                           | 816                     | 694             | 123   |                                          | 13                                                       |         |
|      | Nâng cấp và mở rộng đường Xóm Đình (đoạn 3)                                                     | xã Nhựt Ninh      | UBND xã Nhựt Ninh    | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 304                     | 231             | 73    | 2024                                     | 5                                                        |         |
|      | Tuyến ống nước sạch đê bao ấp Nhựt Hòa                                                          | xã Nhựt Ninh      | UBND xã Nhựt Ninh    | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 112                     | 85              | 27    | 2024                                     | 3                                                        |         |
|      | Nhà xe, tráng sân trước TTVHTT và HTCD xã                                                       | xã Nhựt Ninh      | UBND xã Nhựt Ninh    | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 400                     | 378             | 23    | 2024                                     | 5                                                        |         |
| 3    | Xã Lạc Tấn                                                                                      |                   |                      |                                 |                                 |                                           | 2.070                   | 1.672           | 398   |                                          | 14                                                       |         |
|      | Nâng cấp, mở rộng, bê tông đường Cổng Đình ấp 5                                                 | xã Lạc Tấn        | UBND xã Lạc Tấn      | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 1.291                   | 957             | 334   | 2024                                     | 7                                                        |         |
|      | Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã                          | xã Lạc Tấn        | UBND xã Lạc Tấn      | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 779                     | 715             | 63    | 2024                                     | 7                                                        |         |
| 4    | Xã Bình Trinh Đông                                                                              |                   |                      |                                 |                                 |                                           | 1.889                   | 1.441           | 448   |                                          | 23                                                       |         |

| STT | Tên công trình, dự án                                                               | Địa điểm xây dựng  | Chủ đầu tư              | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Thời gian khởi công, hoàn thành | Thông tin nội dung cơ bản của công trình  |                         |                 |            | Dự kiến năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện | Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư                             | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-----------------|------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                     |                    |                         |                                 |                                 | Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành (nếu có) | Tổng mức đầu tư dự kiến |                 |            |                                          | Vốn đầu tư khác (tiền sử dụng đất năm trước chuyển sang) |         |
|     |                                                                                     |                    |                         |                                 |                                 |                                           | Tổng số                 | Ngân sách huyện | NDDG       |                                          |                                                          |         |
| 1   | 2                                                                                   | 3                  | 4                       | 5                               | 6                               | 7                                         | 8=9+10                  | 9               | 10         | 11                                       | 12                                                       | 13      |
|     | Tuyến ống cấp nước sinh hoạt ấp Bình Tây - Bình Đông                                | xã Bình Trinh Đông | UBND xã Bình Trinh Đông | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 954                     | 718             | 236        | 2024                                     | 7                                                        |         |
|     | Sửa chữa và cải tạo Trạm y tế xã Bình Trinh Đông                                    | xã Bình Trinh Đông | UBND xã Bình Trinh Đông | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 89                      | 72              | 17         | 2024                                     | 4                                                        |         |
|     | Sửa chữa nhà Văn hóa ấp Bình Hòa - Bình Tây xã Bình Trinh Đông                      | xã Bình Trinh Đông | UBND xã Bình Trinh Đông | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 216                     | 165             | 51         | 2024                                     | 5                                                        |         |
|     | Mở rộng bê tông đường Trần Văn Rĩ (giai đoạn 2)                                     | xã Bình Trinh Đông | UBND xã Bình Trinh Đông | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 630                     | 486             | 144        | 2024                                     | 7                                                        |         |
| 5   | <b>Xã Bình Tịnh</b>                                                                 |                    |                         |                                 |                                 |                                           | <b>1.002</b>            | <b>801</b>      | <b>200</b> |                                          | <b>16</b>                                                |         |
|     | Tuyến đường ống cấp nước sạch đường Trần Văn Rớt, kênh Bia truyền thống ấp Bình Hòa | xã Bình Tịnh       | UBND xã Bình Tịnh       | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 373                     | 298             | 75         | 2024                                     | 6                                                        |         |
|     | Tuyến đường ống cấp nước sạch đường Trần Văn Soi ấp Bình Thạnh                      | xã Bình Tịnh       | UBND xã Bình Tịnh       | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 271                     | 217             | 54         | 2024                                     | 4                                                        |         |
|     | Cải tạo, sửa chữa nhà Văn Hóa ấp Bình Hòa                                           | xã Bình Tịnh       | UBND xã Bình Tịnh       | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 358                     | 286             | 72         | 2024                                     | 6                                                        |         |
| 6   | <b>Xã Tân Bình</b>                                                                  |                    |                         |                                 |                                 |                                           | <b>2.883</b>            | <b>2.306</b>    | <b>577</b> |                                          | <b>18</b>                                                |         |
|     | Lắp đặt đường ống nước sạch từ Cầu Nhum đến ngã tư An Nhứt Tân                      | xã Tân Bình        | UBND xã Tân Bình        | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 936                     | 749             | 187        | 2024                                     | 6                                                        |         |
|     | Lắp đặt đường ống nước sạch ấp 4, ấp 5                                              | xã Tân Bình        | UBND xã Tân Bình        | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 993                     | 794             | 199        | 2024                                     | 6                                                        |         |

| STT | Tên công trình, dự án                                                    | Địa điểm xây dựng | Chủ đầu tư            | Địa điểm mở tài khoản của dự án | Thời gian khởi công, hoàn thành | Thông tin nội dung cơ bản của công trình  |                         |                 |            | Dự kiến năm bắt đầu bố trí vốn thực hiện | Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư                             | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------|-----------------|------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                          |                   |                       |                                 |                                 | Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành (nếu có) | Tổng mức đầu tư dự kiến |                 |            |                                          | Vốn đầu tư khác (tiền sử dụng đất năm trước chuyển sang) |         |
|     |                                                                          |                   |                       |                                 |                                 |                                           | Tổng số                 | Ngân sách huyện | NDDG       |                                          |                                                          |         |
| 1   | 2                                                                        | 3                 | 4                     | 5                               | 6                               | 7                                         | 8=9+10                  | 9               | 10         | 11                                       | 12                                                       | 13      |
|     | Lắp đặt đường ống nước sạch ấp 2, ấp 3, ấp 6                             | xã Tân Bình       | UBND xã Tân Bình      | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 954                     | 763             | 191        | 2024                                     | 6                                                        |         |
| 7   | <b>Xã Bình Lãng</b>                                                      |                   |                       |                                 |                                 |                                           | <b>1.432</b>            | <b>1.261</b>    | <b>171</b> |                                          | <b>11</b>                                                |         |
|     | Bê tông sân, mái che Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng    | xã Bình Lãng      | UBND xã Bình Lãng     | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 642                     | 629             | 13         | 2024                                     | 5                                                        |         |
|     | Nâng cấp mở rộng đường Lê Văn Tâm (Giai đoạn 1)                          | xã Bình Lãng      | UBND xã Bình Lãng     | KBNN huyện Tân Trụ              | 2024                            |                                           | 790                     | 632             | 158        | 2024                                     | 6                                                        |         |
| 8   | <b>Xã Đức Tân</b>                                                        |                   |                       |                                 |                                 |                                           | <b>861</b>              | <b>688</b>      | <b>172</b> |                                          | <b>7</b>                                                 |         |
|     | Bê tông đường khu vực Bà Thìn (đoạn 1)                                   | xã Đức Tân        | UBND xã Đức Tân       | KBNN huyện Tân Trụ              |                                 |                                           | 861                     | 688             | 172        |                                          | 7                                                        |         |
| 9   | <b>Xã Tân Phước Tây</b>                                                  |                   |                       |                                 |                                 |                                           | <b>775</b>              | <b>689</b>      | <b>86</b>  |                                          | <b>13</b>                                                |         |
|     | Cải tạo sân trước Trường mầm non Tân Phước Tây                           | xã Tân Phước Tây  | UBND xã Tân Phước Tây | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 336                     | 320             | 16         | 2024                                     | 5                                                        |         |
|     | Cải tạo sân trước Trường tiểu học Tân Phước Tây                          | xã Tân Phước Tây  | UBND xã Tân Phước Tây | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 354                     | 310             | 44         | 2024                                     | 5                                                        |         |
|     | Nâng cấp đường ống nước sạch sau đồng hồ tổ xã Tân Phước Tây giai đoạn 6 | xã Tân Phước Tây  | UBND xã Tân Phước Tây | KBNN Tân Trụ                    | 2024                            |                                           | 85                      | 59              | 26         | 2024                                     | 3                                                        |         |